

QUỐC HỘI KHÓA XIV  
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **HC**/ĐĐBQH-VP  
V/v xin ý kiến dự án  
Luật Phòng, chống tham nhũng  
(sửa đổi)

Trà Vinh, ngày **07** tháng 9 năm 2018

- Kính gửi:
- Thường trực, Trưởng các Ban HĐND tỉnh;
  - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;
  - Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
  - Lãnh đạo sở, ngành tỉnh: Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy; Công an; Thanh tra; Tòa án nhân dân; Viện Kiểm sát nhân dân; Bộ Chỉ huy Quân sự; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng.
  - Lãnh đạo các Văn phòng: Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
  - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp vào các dự án Luật trình tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh gửi đến các đơn vị dự án **Luật Phòng, chống tham nhũng (sửa đổi)** đề xin ý kiến đóng góp. Đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai phổ biến và lấy ý kiến rộng rãi đến các đối tượng có liên quan; tập trung đóng góp vào các vấn đề quan trọng, thực tế, quan điểm, nguyên tắc; đồng thời phải được Thủ trưởng đơn vị thông qua, ký duyệt và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.


Các đơn vị thực hiện việc đóng góp ý kiến **bằng văn bản** (2 bản) đối với dự thảo Luật nêu trên và gửi về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trước ngày **13/9/2018**, đồng thời gửi bằng file điện tử qua địa chỉ: [vpddbqhtv@travinh.gov.vn](mailto:vpddbqhtv@travinh.gov.vn)

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LD Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LDVP;
- Lưu: VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
LƯU CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Thoảng

Luật số: /2018/QH14

**(DỰ THẢO 17.8)**

**LUẬT  
PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**Điều 2. Các hành vi tham nhũng**

1. Tham ô tài sản.
2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản vì vụ lợi.
10. Nhũng nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.
2. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm:
  - a) Cán bộ, công chức, viên chức;

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, người giữ chức danh quản lý trong doanh nghiệp;

d) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

3. Tài sản tham nhũng là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng.

4. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị là việc công bố, cung cấp thông tin, giải trình về tổ chức bộ máy, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Trách nhiệm giải trình là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền phải giải thích, làm rõ thông tin về thực hiện nhiệm vụ, công vụ của mình.

6. Giải trình không hợp lý về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm là việc giải trình không có căn cứ pháp luật về nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm và cũng không phù hợp với thực tế hình thành tài sản, thu nhập tăng thêm đó.

7. Những nhiễu là hành vi cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà, vơ vãnh của người có chức vụ, quyền hạn khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

8. Vụ lợi là việc người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

9. Xung đột lợi ích là tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đắn đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

10. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công, tài sản công.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước trong phòng, chống tham nhũng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

c) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, phản ánh, báo cáo, tố cáo về hành vi tham nhũng; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo về hành vi tham nhũng;

d) Kịp thời cung cấp thông tin và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý tham nhũng.

2. Doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của Luật này;

b) Kịp thời phát hiện, phản ánh, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình và xử lý theo quy định của điều lệ, quy chế hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức;

c) Phản ánh, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng.

### **Điều 5. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí; quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng**

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí có trách nhiệm tham gia phòng, chống tham nhũng.

2. Công dân có quyền phản ánh, tố cáo hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật, kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng.

### **Điều 6. Trách nhiệm phối hợp của Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan**

1. Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Phối hợp với nhau và phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng;

b) Phối hợp trong việc tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng; kiến nghị chính sách, giải pháp phòng, chống tham nhũng.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện, cộng tác với Cơ quan thanh tra, Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

### **Điều 7. Giám sát công tác phòng, chống tham nhũng**

1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

2. Hội đồng Dân tộc và Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát công tác phòng ngừa tham nhũng thuộc lĩnh vực do mình phụ trách.

3. Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng.

4. Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát công tác phòng, chống tham nhũng.

### **Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Các hành vi quy định tại Điều 2 của Luật này.

2. Đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, phản ánh, báo cáo, tố cáo hành vi tham nhũng, người cung cấp thông tin về tham nhũng.

3. Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo hành vi tham nhũng để vu cáo, vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

4. Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc phát hiện, xử lý tham nhũng.

## **CHƯƠNG II**

### **PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

#### **Mục 1**

### **CÔNG KHAI, MINH BẠCH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

#### **Điều 9. Nguyên tắc công khai, minh bạch**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc công khai, minh bạch phải đảm bảo chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, khách quan theo đúng trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với pháp luật.

#### **Điều 10. Nội dung công khai, minh bạch**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật các nội dung sau đây:

a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, công dân và việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung khác theo quy định của pháp luật phải công khai;

b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

c) Công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch theo quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch thủ tục hành chính.

#### **Điều 11. Hình thức công khai**

1. Hình thức công khai bao gồm:

- a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- b) Niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- c) Thông báo bằng văn bản;
- d) Phát hành ấn phẩm;
- đ) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- e) Đưa lên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử;
- g) Tổ chức họp báo;
- h) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Trong trường hợp pháp luật không có quy định về hình thức công khai thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai được quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này. Ngoài ra, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thực hiện thêm hình thức công khai quy định tại điểm a, điểm h khoản 1 Điều này.

### **Điều 12. Trách nhiệm thực hiện việc công khai, minh bạch**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức, đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện công khai, minh bạch. Trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch thì phải xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; về công tác phòng, chống tham nhũng và xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tổ chức họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí đột xuất đối với vụ việc có liên quan đến tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình mà dư luận xã hội quan tâm, trừ trường hợp pháp luật về báo chí có quy định khác.

### **Điều 14. Quyền yêu cầu cung cấp thông tin**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Việc cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 15. Trách nhiệm giải trình**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

2. Người thực hiện trách nhiệm giải trình là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc người được phân công, người được ủy quyền hợp pháp để thực hiện trách nhiệm giải trình.

3. Trong trường hợp báo chí đăng tải thông tin về vi phạm pháp luật và yêu cầu trả lời các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải giải trình và công khai nội dung giải trình trên báo theo quy định pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 16. Báo cáo, công khai báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng**

1. Hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

2. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm phối hợp với Chính phủ trong việc xây dựng báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước.

3. Tòa án cấp tỉnh, cấp huyện, Viện kiểm sát cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

4. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng bao gồm các nội dung đánh giá sau đây:

a) Tình hình tham nhũng;

b) Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng và các nội dung khác của công tác quản lý nhà nước trong phòng, chống tham nhũng.

5. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hoặc phương tiện thông tin đại chúng.

#### **Điều 17. Tiêu chí đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng**

1. Việc đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo các tiêu chí sau đây:

a) Số lượng, tính chất và mức độ của các vụ việc, vụ án tham nhũng;

b) Kết quả xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

c) Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng;

d) Kết quả xử lý tài sản, thu nhập tăng thêm mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;

đ) Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng;

e) Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

## Mục 2

### XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN ĐỊNH MỨC, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ

#### **Điều 18. Xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

b) Công khai các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ về quyền lợi đối với từng loại chức danh, vị trí việc làm trong cơ quan mình;

c) Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức, đơn vị khác có sử dụng tài chính công căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, ban hành và công khai định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng trong tổ chức, đơn vị mình.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trái pháp luật.

#### **Điều 19. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý kịp thời cá nhân, tổ chức vi phạm.

2. Người có hành vi vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ bị xử lý theo quy định tại Điều 92 của Luật này và chịu trách nhiệm bồi thường như sau:

a) Người cho phép sử dụng không đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ nhằm trục lợi cho mình hoặc cho người khác phải bồi thường phần giá trị mà mình cho phép sử dụng không đúng;

b) Người sử dụng không đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ có trách nhiệm liên đới bồi thường với người có hành vi cho phép sử dụng không đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

## Mục 3

### THỰC HIỆN QUY TẮC ÚNG XỬ CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ



**Điều 20. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội phải thực hiện quy tắc ứng xử, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ. Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn phải được công khai.

2. Người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị không được làm những việc sau đây:

- a) Những nhiễu trong khi giải quyết công việc;
- b) Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- c) Làm tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết;
- d) Thành lập, giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh thuộc lĩnh vực mà trước đây mình có trách nhiệm quản lý trong thời hạn 03 năm kể từ khi thôi giữ chức vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- đ) Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- e) Những việc khác mà người có chức vụ, quyền hạn không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp và các luật khác có liên quan.

3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hóa, ký kết hợp đồng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con kinh doanh trong phạm vi do mình quản lý trực tiếp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người giữ chức vụ quản lý khác trong doanh nghiệp nhà nước không được ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thuộc sở hữu của vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu tham dự các gói thầu của doanh nghiệp mình; bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong doanh nghiệp hoặc giao dịch, mua bán vật tư, hàng hóa, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp.

**Điều 21. Thẩm quyền ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

2. Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành quy tắc ứng xử của thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký toà án, thẩm tra viên, kiểm sát viên, điều tra viên của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát Quân sự trung ương, kiểm tra viên, kiểm toán viên và người có chức vụ, quyền hạn khác trong Toà án, Viện kiểm sát, Kiểm toán nhà nước.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong bộ máy chính quyền địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ban hành quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức mình.

#### **Điều 22. Tặng quà và nhận quà tặng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức không được sử dụng tài chính công, tài sản công làm quà tặng, trừ trường hợp tặng quà vì mục đích từ thiện, đối ngoại và trong một số trường hợp cần thiết khác.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức không được trực tiếp hoặc gián tiếp nhận quà tặng dưới mọi hình thức của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

#### **Điều 23. Kiểm soát xung đột lợi ích**

1. Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, xử lý.

3. Người trực tiếp quản lý, sử dụng người có chức vụ, quyền hạn khi phát hiện có xung đột lợi ích và nếu thấy việc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, công vụ không bảo đảm tính đúng đắn, khách quan, trung thực thì phải xem xét, áp dụng một trong các biện pháp sau đây:

a) Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

b) Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích;

c) Tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

## **Điều 24. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng**

1. Cơ quan thông tin, truyền thông và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng nhằm nâng cao nhận thức cho người có chức vụ, quyền hạn và công dân.

2. Cơ sở giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng có trách nhiệm đưa nội dung giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống nhằm phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đối với học sinh trung học phổ thông, sinh viên và cán bộ, công chức, viên chức.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức thực hiện khoản 2 Điều này.

### **Mục 4**

## **CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

### **Điều 25. Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức vì mục đích vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, công chức, viên chức.

### **Điều 26. Vị trí công tác và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi**

1. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải được chuyển đổi vị trí công tác.

2. Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ có một vị trí phải định kỳ chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thì việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quản lý cấp trên trực tiếp quyết định chuyển đổi.

3. Chính phủ quy định chi tiết vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương.

Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quy định chi tiết vị trí công tác phải chuyển đổi và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

#### **Điều 27. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác**

1. Định kỳ hằng năm, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, các trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và các biện pháp tổ chức thực hiện.

### **Mục 5**

## **CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ VÀ THANH TOÁN KHÔNG SỬ DỤNG TIỀN MẶT**

#### **Điều 28. Cải cách hành chính**

Nhà nước thực hiện cải cách hành chính nhằm tăng cường tính độc lập và tự chịu trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đẩy mạnh việc phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương; phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; công khai, đơn giản hóa và hoàn thiện thủ tục hành chính; quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### **Điều 29. Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thường xuyên cải tiến công tác, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động của mình, tạo thuận lợi đề công dân, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết công việc để cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân chủ động thực hiện mà không phải trực tiếp tiếp xúc với cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Điều 30. Thanh toán không sử dụng tiền mặt**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không sử dụng tiền mặt đối với mọi khoản thu, chỉ có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp ở địa bàn thuộc Danh mục quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không sử dụng tiền mặt cho người có chức vụ, quyền hạn và người lao động đối với các khoản chi sau:

- a) Tiền lương, thưởng và các khoản chi khác có tính chất thường xuyên;
- b) Các khoản chi từ ngân sách nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên.

3. Hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm công bố Danh mục địa bàn chưa đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để thực hiện việc thanh toán không sử dụng tiền mặt.

Chính phủ triển khai áp dụng các biện pháp tài chính, công nghệ để tiến tới thực hiện việc thanh toán không sử dụng tiền mặt đối với mọi giao dịch có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên.

### **CHƯƠNG III**

## **KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

### **MỤC 1**

## **THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP**

### **Điều 31. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập**

1. Thanh tra Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên công tác tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, người được cử giữ chức vụ quản lý tương đương trong doanh nghiệp nhà nước, người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

2. Thanh tra tỉnh kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai sau đây:

a) Người có nghĩa vụ kê khai thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc chính quyền địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, người giữ chức vụ quản lý từ Phó trưởng phòng trở lên trong doanh nghiệp nhà nước do chính quyền địa phương quản lý.

3. Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người có nghĩa vụ kê khai làm việc tại doanh nghiệp nhà nước do Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Cơ quan giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội về công tác đại biểu kiểm soát tài sản, thu nhập của đại biểu Quốc hội chuyên trách.

5. Văn phòng Quốc hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Văn phòng Chủ tịch nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước.

7. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại Tòa

án, Viện kiểm sát các cấp, Kiểm toán nhà nước.

8. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức đó.

### **Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập**

1. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan, giải trình khi có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai trước đó hoặc để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, dữ liệu về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai để phục vụ việc xác minh tài sản, thu nhập;

c) Quyết định việc xác minh tài sản, thu nhập.

2. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có trách nhiệm sau đây:

a) Quản lý, cập nhật, cung cấp bản kê khai và các thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Giữ bí mật thông tin thu thập được trong quá trình kiểm soát tài sản, thu nhập;

c) Áp dụng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập. Việc bảo vệ người cung cấp thông tin được thực hiện tương tự như bảo vệ người phản ánh, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật này.

d) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đang quản lý tài sản, thu nhập đã được kết luận là kê khai không trung thực, giải trình không hợp lý về nguồn gốc trong Kết luận xác minh về tài sản, thu nhập giữ nguyên hiện trạng tài sản, ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại, chuyển dịch tài sản, thu nhập và cản trở hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.

đ) Cung cấp bản kê khai, thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 46 của Luật này.

### **Điều 33. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong kiểm soát tài sản, thu nhập**

Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, cơ quan công an, cơ quan quản lý thuế, hải quan, cơ quan quản lý về đất đai, đăng ký tài sản và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin liên quan đến nội dung xác minh khi có yêu cầu của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin đã cung cấp;